

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 07 - 4 - 2021

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi
2. Ông Trịnh Hoàng Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2020/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm: 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Thị L là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Đ tự nguyện kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, anh Đ không lo làm ăn. Tháng 7/2020, chị đã sống ly thân với anh Đ cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh Đ có liên hệ với chị để hàn gắn tình cảm và cha, mẹ hai bên có tác động cho chị và anh Đ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả do chị cương quyết ly hôn.

Quá trình chung sống chị và anh Đ có 03 người con chung là cháu Nguyễn Yến K1, sinh ngày 20/5/2008, cháu Nguyễn Yến K2, sinh ngày 26/11/2011 và cháu Nguyễn Minh K3, sinh ngày 04/02/2020. Cháu K1 và cháu K2 do anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu K3 do chị chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị xác định không còn tình cảm với anh Đ nên cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu được quyền nuôi cháu K3, anh Đ được quyền nuôi cháu K1 và cháu K2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, giữa chị và anh Đ đã tự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể chị nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu K3, anh Đ nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu K1 và cháu K2, đề nghị Tòa án ghi nhận.

Về tài sản và nợ chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải tại Tòa án, anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị L về hôn nhân tự nguyện, thời điểm kết hôn, có đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân và về con chung là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng.

Đối với yêu cầu của chị L, anh có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn, anh cần thời gian để suy nghĩ lại; về con chung: Anh thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể anh nuôi cháu K1 và cháu K2; chị L nuôi cháu K3; về tài sản và nợ chung anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng,

tiến hành thu thập chứng cứ và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với anh Đ chưa thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị L và anh Đ tự nguyện kết hôn 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh Đ. Mặc dù, anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được biện pháp nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của chị L và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh Đ.

Về con chung: Chị L tự nguyện rút yêu cầu về việc tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh Đ. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận và đình chỉ xét xử, nếu sau này có tranh chấp anh, chị có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

Về tài sản và nợ chung: Chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Võ Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn Đ là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Đ là bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Anh Đ đã được

Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ kết hôn năm 2007, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 17/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Chị L và anh Đ thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, theo chị L trình bày do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, anh Đ không lo làm ăn. Hậu quả từ tháng 7/2020 cho đến nay, anh chị đã tự chấm dứt quan hệ vợ chồng không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau và kể từ khi phát sinh mâu thuẫn anh, chị tự hàn gắn tình cảm nhiều lần để tiếp tục chung sống nhưng không đạt kết quả. Do đó, chị L và anh Đ đều vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Kết quả xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ tại nơi cư trú, Phó ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang cung cấp: Không biết được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ.

Vì vậy, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị L và anh Đ nhưng không đạt kết quả do chị L cương quyết yêu cầu được ly hôn và xác định không còn tình cảm với anh Đ. Mặc dù, anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp thuyết phục chị L nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này cho thấy tình cảm vợ chồng của anh, chị đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh Đ.

Về con: Chị L và anh Đ có 03 người con chung là cháu Nguyễn Yến K1, sinh ngày 20/5/2008, cháu Nguyễn Yến K2, sinh ngày 26/11/2011 và cháu Nguyễn Minh K3, sinh ngày 04/02/2020.

Theo đơn khởi kiện chị L yêu cầu được quyền nuôi cháu K3, đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu K1 và cháu K3, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị L xác định giữa chị và anh Đ đã tự thỏa thuận được với nhau về việc nuôi các con chung nên chị rút lại yêu cầu giải quyết về con. Xét thấy, việc rút yêu cầu tranh chấp về con khi ly hôn của chị L là tự nguyện, không trái với

quy định của pháp luật, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu nuôi con khi ly hôn giữa chị L và anh Đ. Đồng thời, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu K1, cháu K2 và cháu K3, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị L và anh Đ về việc tự thỏa thuận nuôi con tại phiên hòa giải: Chị L nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K3; anh Đ nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K1 và cháu K2. Trường hợp, chị L và anh Đ có tranh chấp về việc nuôi con chung thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

Về tài sản và nợ chung: Chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị L đối với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu tranh chấp về con khi ly hôn giữa chị Võ Thị L đối với anh Nguyễn Văn Đ. Ghi nhận ý kiến của chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn Đ về việc tự thỏa thuận nuôi con, cụ thể như sau: Chị L nhận trách

nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K3, sinh ngày 04/02/2020, anh Đ nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Yên K1, sinh ngày 20/5/2008 và cháu Nguyễn Yên K2, sinh ngày 26/11/2011. Trường hợp, chị L và anh Đ có tranh chấp về việc nuôi con thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

3. Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005597 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang, chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 07/4/2021; anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện G;
- THA huyện G;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát